

VN-Index lấp gap không thành công, rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu

Thứ Tư, Ngày 28 Tháng 10 Năm 2026 · BSC Research



VN-INDEX

1,766.65

▲ +4.78 (+0.27%)



GTKL (TỶ) 12,200 SO TB20 -1.2% NN (TỶ) -267.4

VN30

1,890.22

▲ +1.82 (+0.10%)



GTKL (TỶ) 7,035 SO TB20 +0.5% NN (TỶ) -182.7

HNX-INDEX

259.86

▲ +0.36 (+0.14%)



GTKL (TỶ) 517 SO TB20 -26.8% NN (TỶ) +15.4

UPCOM-INDEX

125.74

▼ -0.35 (-0.28%)



GTKL (TỶ) 327 SO TB20 -28.8% NN (TỶ) +0.3

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,753.95 – 1,767.48 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1,766.65 điểm, tăng gần 5 điểm so với phiên trước. Độ rộng thị trường tương đối cân bằng với 9/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm tăng trên 2%. Ở chiều ngược lại, ngành Công nghệ thông tin giảm hơn 2%. Các ngành còn lại không có diễn biến đáng kể. Về giao dịch của khối ngoại, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng trên sàn HSX nhưng mua ròng trên hai sàn HNX và UPCOM. VN-Index hiện đã giảm xuống dưới cận dưới của vùng gap tăng 1,768 – 1,778 điểm. Trong ngắn hạn, chỉ số có thể tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh và kiểm định vùng hỗ trợ quanh 1,735 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

HĐTL VN30F2M và VN30F2Q giảm, trong khi các HĐTL VN30 còn lại tăng theo chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 28/10/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở

Điểm nhấn

- VN-Index **+4.78** điểm, đóng cửa tại 1,766.65 điểm. HNX-Index **+0.36** điểm, đóng cửa tại 259.86 điểm. UPCoM-Index **-0.35** điểm, đóng cửa tại 125.74 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB (**+2.42**), VIC (**+1.28**), HDB (**+1.14**), VPL (**+0.70**), VPB (**+0.62**).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (**-0.60**), FPT (**-0.55**), HPG (**-0.44**), LPS (**-0.26**), VIC (**-0.22**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12,200 tỷ đồng, tăng 18.84% so với phiên trước và thấp hơn 1.2% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 15,320 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.5 điểm. Sàn HOSE có 122 mã tăng (3 mã trần), 107 mã tham chiếu, 173 mã giảm (2 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-267.40** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (**-259.99** tỷ), VPL (**-118.11** tỷ), GMD (**-42.88** tỷ), VNM (**-35.06** tỷ), STB (**-34.29** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 4 liên tiếp; lũy kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-120,812** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **+15.43** tỷ đồng và mua ròng trên sàn UPCoM với giá trị **+0.25** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
TCB	172.32	FPT	-259.99
MSN	89.38	VPL	-118.11
VCB	77.97	GMD	-42.88
HDB	59.13	VNM	-35.06
VPB	35.41	STB	-34.29

HOSE lũy kế năm: **-120,812** tỷ 4 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,723	+0.60%	+0.13%
FTSE100	10,686	-0.75%	-0.43%
Eurostoxx	6,165	+0.79%	+0.70%
Shanghai	3,681	+0.91%	-0.85%
Nikkei	63,954	+1.08%	-1.03%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	115.17	+1.13%	+5.84%
Giá vàng	4,052	-0.20%	-2.14%
USD/VND	25,845	+0.04%	-0.05%
EUR/VND	28,745	+0.03%	-1.08%
JPY/VND	164	+0.14%	+0.16%
VN LS TPCP 10Y	4.47%	+0.2 bps	0 bps
VN LS LNH 1M	5.20%	-10.0 bps	+6.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.



Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan	1
Thống kê thị trường	2
Biểu đồ & dòng tiền	3
Danh mục BSC30	4
Danh mục BSC50	5
Báo cáo gần đây	6
Khuyến cáo sử dụng	7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VCB	57.50	+2.50%	+2.42	6.59
VIC	241.00	+0.33%	+1.28	1.88
HDB	22.85	+3.86%	+1.14	36.18
VPL	88.90	+2.18%	+0.70	1.89
VPB	23.50	+1.29%	+0.62	12.42

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
NVB	14.70	+4.26%	+1.36	1.40
PVS	32.00	+0.63%	+0.07	1.20
TNG	19.70	+3.14%	+0.06	1.72
MAC	12.30	+9.82%	+0.02	0.13
NTP	52.70	+0.57%	+0.02	0.06

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
HDB	22.85	+3.86%	+3.10	36.18
VPB	23.50	+1.29%	+1.15	12.42
MSN	74.20	+1.09%	+1.14	4.82
VCB	57.50	+2.50%	+0.90	6.59
VNM	58.20	+1.04%	+0.82	2.37

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
GIL	9.41	+6.93%	0.54
TV2	27.85	+6.91%	1.43
L10	38.10	+6.87%	0.01
BTT	43.40	+6.77%	0.00
TCM	16.30	+6.54%	1.79

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
HEV	5.50	+10.00%	0.00
CAR	66.50	+9.92%	0.01
MAC	12.30	+9.82%	0.13
VNT	32.80	+9.70%	0.00
VTH	9.40	+9.30%	0.00

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
GAS	77.70	-1.52%	-0.60	0.48
FPT	54.00	-2.53%	-0.55	13.94
HPG	20.75	-1.19%	-0.44	14.99
LPS	16.00	-5.33%	-0.26	4.65
VJC	131.50	-1.05%	-0.22	0.91

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
KSV	113.60	-1.13%	-0.22	0.02
THD	96.00	-0.52%	-0.11	0.00
PGS	77.90	-5.00%	-0.11	0.00
KSF	73.60	-0.27%	-0.10	0.09
CEO	11.30	-1.74%	-0.07	8.15

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
FPT	54.00	-2.53%	-3.66	13.94
HPG	20.75	-1.19%	-2.06	14.99
VJC	131.50	-1.05%	-0.61	0.91
LPB	38.10	-0.78%	-0.56	1.22
VRE	24.10	-1.23%	-0.44	4.11

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
HTV	12.75	-6.93%	0.00
DGW	42.35	-6.92%	5.95
KOS	4.08	-6.85%	0.92
ASP	15.30	-6.71%	0.45
VDP	29.90	-6.27%	0.00

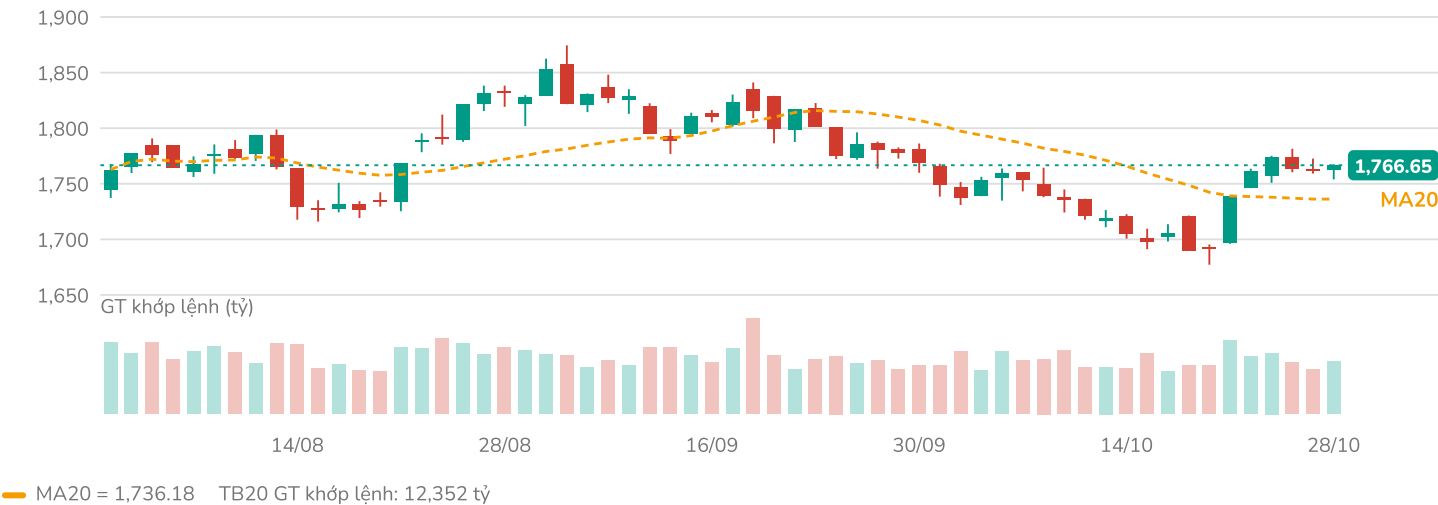
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
V12	9.00	-10.00%	0.00
HMH	14.60	-9.88%	0.00
PPT	7.30	-9.88%	1.65
VDL	10.70	-9.32%	0.00
AMV	1.10	-8.33%	0.30

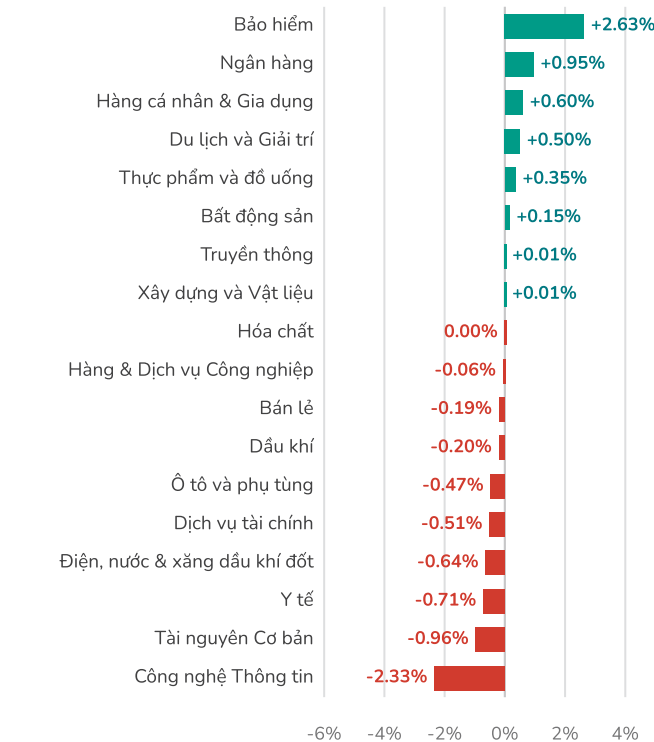
Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



Diễn biến ngành cấp 2

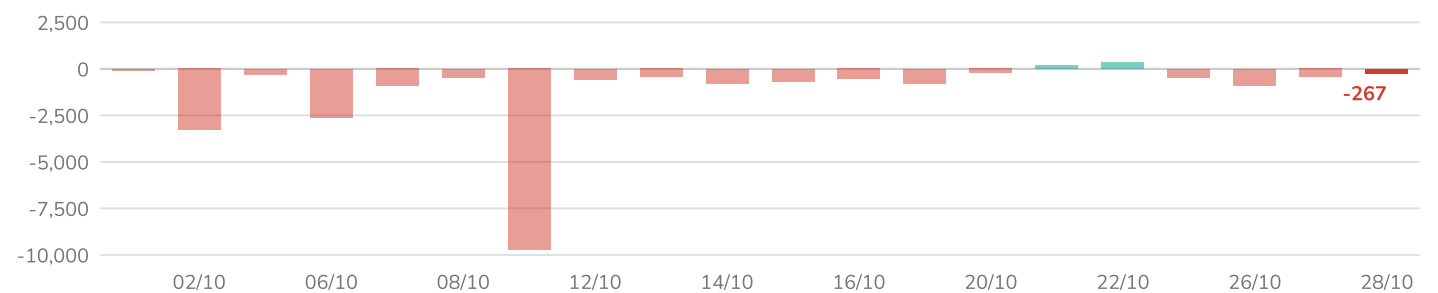


Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND			
NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Ngân hàng	+0.95%	5,927	191.5
Thực phẩm và đồ uống	+0.35%	788	25.1
Bảo hiểm	+2.63%	64	22.6
Hàng cá nhân & Gia dụng	+0.60%	155	15.4
Dịch vụ tài chính	-0.51%	1,275	-20.0
Tài nguyên Cơ bản	-0.96%	507	-20.5
Bất động sản	+0.15%	1,856	-24.7
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.06%	1,305	-86.3
Du lịch và Giải trí	+0.50%	297	-135.1
Công nghệ Thông tin	-2.33%	770	-261.5

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND			
NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	+0.10%	9,016	-182.7
VNMID	+0.10%	5,224	-53.8
VNSML	-0.05%	853	-26.4

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

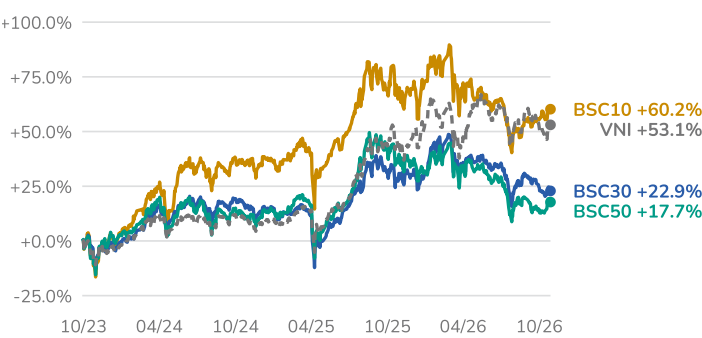
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.20%**. Các mã diễn biến tích cực: [HDB](#) (+3.86%), [VCB](#) (+2.50%), [TPB](#) (+2.36%).
- BSC50 **+0.19%**. Các mã diễn biến tích cực: [TCM](#) (+6.54%), [VCG](#) (+3.28%), [TNG](#) (+3.14%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	+0.20%	+0.19%	+0.27%	+0.10%
1 tuần	-0.18%	-0.27%	+1.61%	+0.51%
1 tháng	+0.74%	+1.02%	-0.11%	-0.87%
3 tháng	+4.62%	+5.16%	+3.64%	+2.22%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích lũy



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	% NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	76.0	+0.40%	1.0	112,153	582.4	7,556	10.1	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	27.0	+0.19%	1.1	25,427	44.7	1,859	14.5	42.4	6.2%	Link
KDH	Bất động sản	14.2	-3.06%	0.9	17,745	75.3	1,424	10.0	39.9	23.3%	Link
PDR	Bất động sản	11.6	-0.43%	1.0	11,525	57.0	619	18.6	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	63.5	0.00%	1.7	521,641	441.7	9,730	6.5	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	54.0	-2.53%	0.6	101,829	762.8	5,323	10.1	124.4	27.3%	Link
BSR	Dầu khí	28.8	-0.52%	-	143,960	109.1	3,974	7.2	-	1.6%	Link
PVS	Dầu khí	32.0	+0.63%	0.9	19,638	38.0	3,432	9.3	52.3	15.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.4	-2.09%	1.0	32,172	73.4	1,071	21.9	-	34.3%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.8	-0.25%	1.1	59,276	275.4	1,752	11.3	-	30.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.0	-0.78%	0.9	21,892	98.4	1,249	15.2	-	14.6%	Link
DCM	Hóa chất	34.8	+0.43%	0.4	18,423	54.7	4,939	7.0	53.3	6.9%	Link
DGC	Hóa chất	32.9	0.00%	0.8	12,495	9.1	5,603	5.9	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	21.4	+0.23%	0.6	123,924	312.8	2,773	7.7	27.1	22.4%	Link
BID	Ngân hàng	33.6	0.00%	0.9	261,737	147.6	4,250	7.9	-	17.4%	Link
CTG	Ngân hàng	30.7	+1.15%	0.9	238,445	208.7	5,172	5.9	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	22.9	+3.86%	1.0	148,682	797.6	2,942	7.8	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	19.7	+0.25%	0.8	198,354	446.5	3,219	6.1	32.4	22.3%	Link
MSB	Ngân hàng	16.0	+1.59%	0.7	59,904	206.5	1,573	10.2	14.0	6.3%	Link
STB	Ngân hàng	68.0	+0.89%	0.7	128,195	319.4	809	84.0	-	10.4%	Link
TCB	Ngân hàng	33.5	-0.15%	1.1	237,389	1,007.6	4,042	8.3	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	13.0	+2.36%	0.9	41,472	353.8	2,376	5.5	-	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	57.5	+2.50%	0.8	480,451	375.4	4,984	11.5	-	19.8%	Link
VIB	Ngân hàng	14.2	+0.35%	0.7	52,856	207.3	1,990	7.1	23.0	3.9%	Link
VPB	Ngân hàng	23.5	+1.29%	1.2	235,000	287.1	3,118	7.5	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	15.9	-1.24%	0.8	6,854	43.7	2,348	6.8	28.8	1.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	74.2	+1.09%	1.0	108,360	356.4	6,243	11.9	100.4	24.8%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	58.2	+1.04%	0.4	121,635	136.6	5,246	11.1	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.8	-1.19%	0.8	175,192	314.9	2,750	7.5	32.2	21.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	11.1	0.00%	0.9	8,961	27.7	813	13.7	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	42.4	-6.92%	1.0	9,459	257.6	3,779	11.2	28.5%	-	Link
FRT	Bán lẻ	147.0	-1.08%	0.8	26,286	151.6	6,359	23.1	33.7%	-	Link
BVH	Bảo hiểm	69.8	+2.95%	0.7	51,814	61.2	4,472	15.6	27.2%	-	Link
DIG	Bất động sản	9.8	-0.10%	1.1	8,248	39.7	987	9.9	2.7%	-	Link
DXG	Bất động sản	10.0	-0.10%	1.1	12,668	103.2	157	63.8	14.7%	-	Link
HDC	Bất động sản	11.5	+0.44%	1.1	2,642	24.0	2,389	4.8	1.9%	-	Link
IDC	Bất động sản	36.0	0.00%	0.8	15,028	36.5	5,201	6.9	14.8%	-	Link
NLG	Bất động sản	23.0	+0.66%	0.8	11,157	20.6	1,407	16.3	35.4%	-	Link
SIP	Bất động sản	49.5	-0.50%	0.7	11,972	4.1	5,867	8.4	2.2%	-	Link
SZC	Bất động sản	20.1	+1.52%	1.0	3,618	17.3	891	22.6	1.4%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	12.1	0.00%	1.0	12,140	68.2	312	38.7	9.4%	-	Link
VIC	Bất động sản	241.0	+0.33%	1.4	1,870,687	451.4	2,751	87.6	3.1%	-	Link
VRE	Bất động sản	24.1	-1.23%	1.6	54,763	98.2	3,191	7.5	11.1%	-	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	19.1	-0.52%	0.8	4,437	5.7	1,692	11.3	35.8%	-	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	131.5	-1.05%	0.8	101,136	119.8	2,830	46.5	5.2%	-	Link
PLX	Dầu khí	35.4	+0.14%	0.8	45,739	41.6	2,523	14.0	14.3%	-	Link
PVD	Dầu khí	18.8	+1.62%	0.7	17,442	152.8	1,199	15.7	8.2%	-	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	19.0	-1.30%	0.9	7,237	13.8	1,054	18.0	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.3	-0.65%	1.0	15,314	18.0	1,562	9.8	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.1	+1.09%	1.6	30,226	244.7	1,049	22.0	6.0%	-	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.0	+0.93%	0.9	35,064	153.8	3,991	13.5	38.7%	-	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50.6	+0.80%	0.8	9,707	27.0	6,594	7.7	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.9	-1.51%	0.6	11,812	119.0	2,761	8.3	16.5%	-	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.4	-1.59%	0.7	9,357	65.2	2,199	21.1	3.9%	-	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.1	+0.59%	1.4	8,776	73.6	4,780	3.6	25.9%	-	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.3	+6.54%	0.8	1,918	28.1	1,872	8.7	48.1%	-	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.7	+3.14%	0.7	2,536	33.6	3,692	5.3	21.5%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	21.3	-0.23%	0.4	14,482	25.3	2,608	8.2	3.3%	-	Link
GVR	Hóa chất	31.5	-0.16%	1.6	126,000	47.6	1,751	18.0	0.5%	-	Link
EIB	Ngân hàng	16.6	-1.48%	1.3	31,014	244.7	264	63.1	1.0%	-	Link
LPB	Ngân hàng	38.1	-0.78%	0.6	113,815	46.7	4,048	9.4	1.5%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.7	-0.39%	0.5	27,309	27.2	2,243	5.6	0.9%	-	Link
OCB	Ngân hàng	10.7	-1.38%	0.6	32,769	57.1	1,482	7.2	19.1%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	18.5	-0.27%	1.0	4,926	23.5	2,961	6.2	1.6%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.1	+0.67%	0.6	12,222	36.8	256	117.6	3.3%	-	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.9	+0.23%	0.3	55,022	12.7	3,723	11.5	58.8%	-	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.6	+0.98%	0.7	10,808	8.7	6,485	8.0	17.5%	-	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.2	+0.83%	0.9	5,982	51.9	338	35.9	4.6%	-	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.1	0.00%	0.5	11,305	13.7	15,292	9.0	82.0%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	68.0	+0.74%	0.8	7,604	31.8	7,050	9.7	46.6%	-	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	67.3	-0.59%	0.7	8,622	16.9	5,223	12.9	5.5%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	30.9	+2.15%	0.7	3,670	23.3	3,530	8.8	18.5%	-	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.7	+1.37%	0.8	5,544	26.3	1,164	8.3	10.0%	-	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	19.3	+0.78%	0.8	7,938	15.7	2,809	6.9	8.4%	-	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	15.8	+3.28%	0.7	10,996	67.6	5,869	2.7	2.0%	-	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.4	-2.14%	1.0	19,458	79.9	4,003	10.8	0.9%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	77.7	-1.52%	0.9	187,486	37.9	5,269	14.8	2.1%	-	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.1	+0.33%	0.8	6,145	5.7	2,298	6.6	15.7%	-	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.6	+1.21%	1.0	38,501	53.8	2,049	6.1	4.1%	-	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.3	+1.65%	0.4	28,863	13.9	4,237	10.9	49.0%	-	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator 10.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
2	BSC Navigator T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
3	BSC Navigator T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
4	BSC Insight Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
5	BSC Insight Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		–
6	BSC Navigator T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
7	BSC Navigator T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
8	BSC Navigator T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
9	BSC Navigator T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
10	BSC Insight FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
11	BSC Navigator 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
12	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
13	BSC Insight Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
14	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
15	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
16	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
17	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
18	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
19	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
20	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
21	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
22	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
23	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem
24	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách

Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú

Trưởng nhóm

Ngành - Doanh nghiệp

Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung

Trưởng nhóm

Định lượng

Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>